

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HN&GD-ST

Ngày 22/12/2021

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HN&GD ngày 06/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1962

- Bị đơn: Bà Ngô Thị M – sinh năm 1962

Đều trú tại: Thôn Kiến Lễ, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

(Ông V, bà M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông và bà Ngô Thị M kết hôn vào năm 1985 tại UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành. Nhưng do sơ suất nên ông bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn, hiện sổ lưu trữ của xã không còn. Nhưng ông xác định vào năm 1985 ông và bà M có ra xã làm thủ tục đăng ký kết hôn và được chính quyền xã cấp cho giấy chứng nhận kết hôn. Ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới được sự chứng kiến của hai bên gia đình, sau khi về chung sống với nhau vợ chồng luôn có trách nhiệm và nghĩa vụ của người chồng, người vợ với nhau. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống với nhau tại thôn Kiến

Lễ, xã Đại Đức. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra to tiếng, xúc phạm nhau. Bà M nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nên thường xuyên về kiểm có gây sự với ông, tri triết xúc phạm ông. Mặc dù quá trình chung sống ông luôn có trách nhiệm với gia đình, không có người phụ nữ nào khác. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Ông bà đã ly thân nhau khoảng 02 năm nay (từ cuối năm 2019 cho tới nay) không ai còn quan tâm tới ai nữa. Bà M cũng không liên lạc gì với ông, vợ chồng ông không còn liên lạc gì với nhau và cũng không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Ông đề nghị được ly hôn với bà Ngô Thị M.

Về con chung: Ông và bà M có 2 con chung: Nguyễn Văn N – sinh năm 1986 và Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1988 đều đã trưởng thành, tự lập. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bà Ngô Thị M trình bày: bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn năm 1985 tại UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Từ lúc kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2017 ông V bỏ nhà đi làm ăn như nào thì bà và các con không hay biết. Từ khi ông V đi thỉnh thoảng ông V về thăm con nhưng vợ chồng không nói chuyện gì với nhau mà vợ chồng chỉ có nhắn tin chửi nhau qua điện thoại chứ không gặp nhau. Ông V chửi bà là “Mày bán đất của tao đi mua được hàng nghìn cái quan tài”. Bà được biết ông V có người phụ nữ khác nhưng bà cũng không nói gì, còn ông V muốn đi đâu thì đi, sau này không đi được nữa thì về mẹ con bà vẫn chấp nhận. Nếu ông V không muốn ở chung với bà nữa thì ông V có thể xây nhà ra ở riêng để ở, không cần thiết phải ly hôn để khỏi ảnh hưởng đến cuộc sống của con cháu. Nay ông V xin ly hôn thì bà cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng bà không đồng ý ly hôn vì bà không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của các con bà. Nếu ông V vẫn kiên quyết ly hôn thì tùy ông V, bà đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo của Toà án, bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt bà, bà sẽ

không đến Toà án làm việc và cũng không đến tham gia phiên toà.

Về con chung: Bà và ông V có 2 con chung: Nguyễn Văn Nam – sinh năm 1986 và Nguyễn Văn Trọng – sinh năm 1988 đều đã trưởng thành, tự lập. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án xác minh tại UBND xã Đại Đức xác định: Ông V và bà M có đăng ký kết hôn vào năm 1985 tại UBND xã Đại Đức. Sau khi kết hôn ông V, bà M sinh sống với nhau tại xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nhưng hiện tại địa phương không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn thời kỳ kết hôn của ông V và bà M. Thời điểm ông V và bà M đăng ký kết hôn là do ông Hanh là cán bộ tư pháp xã làm thủ tục nhưng hiện ông Hanh đã chết. UBND xã Đại Đức xác nhận ông V và bà M có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1985 và có 2 con chung cùng sinh sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống ông V và bà M có phát sinh mâu thuẫn, còn cụ thể mâu thuẫn gì địa phương không nắm được. Bà M hiện vẫn ở địa phương còn ông V thỉnh thoảng mới về địa phương.

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử ông V, bà M có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Ông V vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn V được ly hôn bà Ngô Thị M. Về con chung: Ông V và bà M có 2 con chung: Nguyễn Văn N – sinh năm 1986 và Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1988 đều đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông V và bà M đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông V, bà M.

[2] Về hôn nhân: Ông V và bà M xác nhận ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Đức và chung sống với nhau từ năm 1985. Ông bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn và sổ lưu trữ của xã không còn, UBND xã Đại Đức xác nhận ông V, bà M có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1985. Do vậy việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tin tưởng và yêu thương nhau. Ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bà M cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, bà cũng không còn tình cảm gì với ông V nhưng bà không muốn ly hôn chỉ vì nghĩ đến các con. Ông V vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với bà M. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V, bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn V xin được ly hôn bà Ngô Thị M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông V và bà M có 2 con chung: Nguyễn Văn Nam – sinh năm 1986 và Nguyễn Văn Trọng – sinh năm 1988 đều đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông V có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn V được ly hôn bà Ngô Thị M.

2. Về con chung: Ông V và bà M có 2 con chung: Nguyễn Văn N – sinh năm 1986 và Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1988 đều đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2020/0002502 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Ông Nguyễn Văn V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

